

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1.1 Tên môn học : CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT

1.2 Mã môn học : SWOR3201

1.3 Trình độ Đại học / Cao đẳng : *Đại học*

1.4 Ngành / Chuyên ngành : *Công tác xã hội*

1.5 Khoa / Ban / Trung tâm phụ trách : *Khoa XHH và CTXH*

1.6 Số tín chỉ: 02

1.7 Yêu cầu đối với môn học :

- Điều kiện tiên quyết : *Đã học các môn cơ sở cho chuyên ngành công tác xã hội như tâm lý, tham vấn, công tác xã hội nhập môn, hành vi, giao tiếp, phát triển cộng đồng, xã hội học nhập môn, an sinh xã hội.*
- Các yêu cầu khác (nếu có)

1.8 Yêu cầu đối với sinh viên: *Tham dự lớp đầy đủ, tìm tài liệu cho bài tập nhóm, tham gia tích cực bài tập nhóm*

2. MÔ TẢ MÔN HỌC VÀ MỤC TIÊU

- Mô tả ngắn gọn về vị trí môn học, mối quan hệ với các môn học khác trong chương trình đào tạo: *môn học được ứng dụng, công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm, phát triển cộng đồng*
- Môn học giúp sinh viên:
 - ✓ *Có kiến thức về phong trào khuyết tật thế giới và sự ra đời của Công Ước Quyền của người khuyết tật (NKT)*
 - ✓ *Nắm được các mô hình hỗ trợ NKT*
 - ✓ *Nắm được khái niệm khiếm khuyết (impairment), khuyết tật (disability), và tàn tật (handicap)*
 - ✓ *Nắm được triết lý sống độc lập (independent living) và cách hỗ trợ NKT sống độc lập*
 - ✓ *Hiểu được những rào cản/khó khăn mà NKT ở các dạng (vận động, khiếm thị, khiếm thính, chậm phát triển, ...) thường gặp phải vẫn gặp và ảnh hưởng của những rào cản này đối với cuộc sống NKT*
 - ✓ *Nắm được vai trò của một nhân viên xã hội khi làm việc với NKT*
 - ✓ *Đề nghị được những giải pháp có thể phá dỡ những rào cản này, theo góc độ của một nhân viên xã hội*

3. NỘI DUNG CHI TIẾT MÔN HỌC

| STT | CHƯƠNG | MỤC TIÊU | MỤC, TIÊU MỤC |
|-----|---|--|--|
| 1 | Ôn lại những giá trị và nguyên tắc của ngành CTXH | Nắm lại các vai trò mà nhân viên xã hội phải thực hiện, và những kỹ năng cần thiết | <ul style="list-style-type: none"> ○ Triết lý và giá trị của ngành CTXH ○ Các vai trò của một nhân viên xã hội |
| 2 | Phong trào khuyết tật thế giới | Hiểu rõ sự thay đổi tích cực của các chương trình hỗ trợ NKT trong mối tương quan với các phương cách phát triển cộng đồng | <ul style="list-style-type: none"> ○ Những chương trình hỗ trợ NKT của các nước ○ Các tổ chức của NKT ○ Các chương trình của Liên Hiệp Quốc ○ Việt Nam: luật, chính sách, các tổ chức vì NKT |
| 3 | Các mô hình hỗ trợ NKT | Nắm rõ lợi ích và những hạn chế của mô hình từ thiện và y tế, và tính toàn diện của mô hình xã hội | <ul style="list-style-type: none"> ○ Mô hình từ thiện ○ Mô hình y tế ○ Mô hình xã hội |
| 4 | Khái niệm và ngôn ngữ sử dụng (khiếm khuyết, khuyết tật, và tàn tật,...), và tính đa dạng của cuộc sống | <ul style="list-style-type: none"> ○ Nắm các khái niệm ○ Các ngôn ngữ nên sử dụng và nên tránh | <ul style="list-style-type: none"> ○ Thế nào là khiếm khuyết, khuyết tật, và tàn tật? ○ Các từ dung có tính miệt thị, phân biệt đối xử, hay dễ gây tổn thương |
| 5 | NKT các dạng | <ul style="list-style-type: none"> ○ Hiểu rõ các vấn đề NKT các dạng gặp phải ○ Cách hỗ trợ họ | <ul style="list-style-type: none"> ○ Khiếm thính, ○ Khiếm thị, ○ Khuyết tật vận động, ○ Chậm phát triển, ○ Rối loạn cảm xúc ○ Phụ nữ khuyết tật |
| 6 | Vấn đề việc làm của NKT | <ul style="list-style-type: none"> ○ Nắm được nguyên nhân căn bản cản trở NKT có việc làm và lên được kế hoạch hỗ trợ khi cần thiết | <ul style="list-style-type: none"> ○ Những rào cản thường gặp ○ Các chính sách và chương trình xã hội liên quan: những điều đạt được và hạn chế ○ Giải pháp đề nghị để hỗ trợ tốt nhất |
| 7 | Vấn đề tiếp cận (accessibility) và tạo điều kiện thích hợp (reasonable accommodation) | Nắm được cách thức “tạo điều kiện thích hợp” để tạo sự tiếp cận | <ul style="list-style-type: none"> ○ Thế nào là tiếp cận? ○ Thế nào là tạo điều kiện thích hợp? ○ Những khó khăn thường gặp |
| 8 | Vai trò của nhân viên xã hội khi làm việc với những NKT | Nắm rõ những vai trò cần thực hiện và cách thức thực hiện các vai trò trong những tình huống cụ thể | <ul style="list-style-type: none"> ○ Làm các bài tập tình huống |

4. HỌC LIỆU

- Giáo trình môn học (đang soạn thảo nên sinh viên chỉ được copy của các slides bài giảng)
- Tài liệu tham khảo:
 - ✓ Michael Oliver & Bob Sapey, 2006. *Social Work with disabled people*. Palgrave Macmillan Publisher.
 - ✓ G.L. Albrecht, K.D. Seelman, and M. Bury. 2001. *Handbook of Disability Studies*. Sage Publications, Inc.
 - ✓ Michael Oliver. 1995. *Social Work- Disabled People and Disabling Environments*. Jessica Kingsley Publishers.
 - ✓ Tổng kết các buổi hội thảo do Chương Trình Khuyết Tật và Phát Triển (DRD) thực hiện www.drdvietnam.com
 - ✓ Các bài viết liên quan trên trang web DRD www.drdvietnam.com

5. TỔ CHỨC GIẢNG DẠY – HỌC TẬP

Lịch trình chung: (Ghi tổng số giờ cho mỗi cột)

| CHƯƠNG | HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY MÔN HỌC | | | | | Tổng |
|------------|-------------------------------|---------|-----------|------------------------------------|---------------------------|------|
| | Thuyết trình | | | Thực hành, thí nghiệm, điền dã,... | Tự học, tự nghiên cứu (*) | |
| | Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | | | |
| Chương 1&2 | | | 5 | | | 5 |
| Chương 3&4 | 4 | | 1 | | | 5 |
| Chương 5 | 3 | | 2 | | | 5 |
| Chương 6 | 3 | | 2 | | | 5 |
| Chương 7 | 3 | | 2 | | | 5 |
| Chương 8 | 3 | | 7 | | | 10 |

Chú ý:

Tự học, tự nghiên cứu (): Các em sẽ được chia nhóm, chọn đề tài, tự tìm tài liệu và làm việc nhóm để phân tích nhu cầu của NKT trong tình huống, và đề nghị phương cách hỗ trợ thích hợp. Nhóm sẽ báo cáo vào cuối khóa để lấy điểm giữa kỳ 30%*

6. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Quy định thang điểm, số lần đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số mỗi lần đánh giá kết quả học tập

| STT | Hình thức đánh giá | Trọng số |
|-----|--|--------------------|
| 1 | Kiểm tra giữa kỳ thông qua bài tập cá nhân hoặc bài tập nhóm + sự tham gia | (30% tổng số điểm) |
| 2 | Thi cuối kỳ | (70% tổng số điểm) |

7. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN – TRỢ GIẢNG

- Họ và tên: Võ Thị Hoàng Yến
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc : Khoa XHH&CTXH Trường ĐH Mở TP.HCM
- Địa chỉ liên hệ” 91/6N Hòa Hưng, Q.10
- Điện thoại: 0909340307, email: yenvo@drdvietnam.com

Ban giám hiệu

Trưởng phòng QLĐT

P. Trưởng khoa

Nguyễn Thành Nhân

Lê Thị Mỹ Hiền